

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ ÔN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 17-6-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông **Võ Hồng Quận**

2/ Ông **Nguyễn Hữu Tài**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Đặng Hoàng Minh**- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thạch Thị Mỹ L**, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Thạch Va R**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp Th, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:* Bà **Thạch Thị N**, sinh năm 1957. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp Th, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 26/02/2020, nguyên đơn chị Thạch Thị Mỹ L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh R thành hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 23/9/2013, thời gian

chung sống được 07 năm, lúc đầu rất hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống do anh R đi làm ăn xa 3-4 tháng mới về 01 lần và do anh R ngoại tình. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh R.

- Về con chung: có 01 con chung tên Thạch Lý Thanh Ph, sinh ngày 27/11/2013 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại văn bản (Biên bản về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được) ngày 07/5/2020, nguyên đơn chị Thạch Thị Mỹ L trình bày: Về hôn nhân chị yêu cầu ly hôn với anh R. Về con chung chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 15/5/2020, người làm chứng bà Thạch Thị N trình bày: Vào năm 2013 bà có tổ chức lễ cưới cho anh R và chị L, sau khi thành hôn thì anh R, chị L về sống bên gia đình chị L được một thời gian rồi đi Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê. Theo bà biết thì mâu thuẫn giữa anh R và chị L là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, anh R có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng hiện nay thì anh R không còn quan hệ với người phụ nữ khác nữa. Về con chung: có 01 con chung tên Thạch Lý Thanh Ph, sinh ngày 27/11/2013 hiện đang sống chung với chị L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh R vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh R có quan hệ với người phụ nữ khác. Về con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **Ý kiến của Viện kiểm sát:**

- Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Mỹ L, xử cho chị L ly hôn với anh Thạch Va R. Về con chung: Giao con chung tên Thạch Lý Thanh Ph, sinh

ngày 27/11/2013 cho chị Thạch Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thạch Va R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000đ, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh R có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị buộc chị Thạch Thị Mỹ L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng chị L thuộc đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn án phí cho chị L theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc anh Thạch Va R phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Thạch Thị Mỹ L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn với anh Thạch Va R cư trú tại ấp Th, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Bị đơn anh Thạch Va R được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[1.3] Người làm chứng bà Thạch Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà Thấm đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

#### **[2] Về nội dung:**

##### **[2.1] Về hôn nhân:**

Chị Thạch Thị Mỹ L và anh Thạch Va R thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn

số 123 vào ngày 23/9/2013 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh R là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị L và anh R thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau do anh R không quan tâm đến vợ con, có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2018 đến nay không ai tới lui thăm nom giúp đỡ gì và sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để Toà án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh R vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị L và anh R không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

**[2.2] Về con chung:** Xét con chung tên Thạch Lý Thanh Ph, sinh ngày 27/11/2013 hiện đang sống trực tiếp với anh chị L cuộc sống cũng đảm bảo. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh R không có ý kiến gì về việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị L. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thạch Va R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 17/6/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh R có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Thạch Thị Mỹ L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Thạch Thị Mỹ L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng chị L thuộc đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn án phí cho chị L theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Anh Thạch Va R phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

#### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Thạch Thị Mỹ L. Xử cho chị L ly hôn với anh Thạch Va R.

#### **2. Về con chung:**

Giao con chung tên Thạch Lý Thanh Ph, sinh ngày 27/11/2013 cho Thạch Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thạch Va R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 17/6/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh R có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

#### **3. Về tài sản chung, nợ chung:**

Chị Thạch Thị Mỹ L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

#### **4. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Thạch Thị Mỹ L được miễn nộp tiền án phí ly hôn.

Anh Thạch Va R phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

#### **5. Về quyền kháng cáo:**

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- UBND xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long  
(Giấy chứng nhận kết hôn số 123 ngày 23/9/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thúy An**